

Số: **27** /QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày **08** tháng 01 năm 2020

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí  
tại Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Phòng cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Thông báo số 2855-TB/TU ngày 06 tháng 01 năm 2020 của Tỉnh ủy Đắk Nông về chủ trương xây dựng Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung;

Căn cứ Công văn số 1674/BTL-TC ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tư lệnh Quân khu 5 về việc tham gia ý kiến đối với Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Nam Nung;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Báo cáo số 3094/BC-SNN ngày 25 tháng 12 năm 2019,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung, với các nội dung như sau:

### 1. Tên đề án, đơn vị thực hiện

- Tên Đề án: Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung.

- Đơn vị thực hiện: Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung.

### 2. Mục tiêu



- Việc xây dựng Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung làm cơ sở để lập dự án đầu tư du lịch sinh thái kết hợp bảo vệ, phát triển rừng và bảo tồn thiên nhiên, trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật.

- Nâng cao nhận thức và hành động của cộng đồng địa phương đối với các tài sản về du lịch cảnh quan - văn hóa – lịch sử, tạo việc làm, nâng cao thu nhập và đời sống cho người dân địa phương, từng bước xóa đói, giảm nghèo và hướng tới phát triển bền vững; tạo ra nguồn thu bổ sung cho công tác bảo vệ rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học cho đơn vị.

- Góp phần quản lý, bảo tồn và phát triển bền vững tài nguyên thiên nhiên tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Nam Nung.

### **3. Hiện trạng tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên du lịch và các loại sản phẩm du lịch**

**3.1. Hiện trạng tài nguyên thiên nhiên:** Tổng diện tích khu vực xây dựng Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí là 246,51 ha, trong đó: Quy hoạch rừng đặc dụng 195,31 ha; quy hoạch rừng phòng hộ: 51,2 ha. Hiện trạng cụ thể như sau:

- Trạng thái rừng thường xanh giàu (TXG): 100,66 ha.
- Trạng thái rừng thường xanh trung bình (TXB): 119,11 ha.
- Trạng thái rừng thường xanh nghèo (TXN): 14,99 ha.
- Trạng thái rừng gỗ - tre nửa (Hg1): 6,81 ha.
- Trạng thái rừng tre nửa - gỗ (Hg2): 0,31 ha.
- Trạng thái rừng tre nửa (NUA): 0,69 ha.
- Đất trồng (DT1): 3,94 ha.

### **3.2. Tài nguyên du lịch**

Tỉnh Đắk Nông đã và đang dần hình thành các trung tâm du lịch, khu du lịch trọng điểm như: Khu du lịch sinh thái thác Đắk Glun, Khu du lịch sinh thái văn hoá, lịch sử Nam Nung và Khu du lịch sinh thái cụm thác Dray Sáp - Gia Long - Trinh Nữ. Theo số liệu thống kê lượng du khách đến Đắk Nông ngày một tăng, cụ thể:

Stt	Chỉ tiêu	Năm						6 tháng đầu năm 2019
		2013	2014	2015	2016	2017	2018	
1	Tổng lượt khách	155.000	170.000	197.768	250.000	253.000	304.000	223.000
a	Nội địa	148.355	164.350	192.353	244.000	246.000	296.400	218.700
b	Quốc tế	6.645	5.650	5.415	6.000	7.000	7.600	4.300

Đặc biệt trên địa bàn tỉnh có Công viên địa chất Đắk Nông nằm ở phía Tây Nam của vùng Tây Nguyên, đoạn cuối dãy Trường Sơn với ranh giới trải dài trên 5 địa bàn các huyện: Krông Nô, Cư Jút, Đắk Mil, Đắk Song, Đắk Glong và thành phố Gia Nghĩa. Trong Công viên địa chất có hàng chục hang động lớn nhỏ khác nhau với tổng chiều dài khoảng 25 km từ miệng núi lửa Buôn Choah dọc theo sông Sêrêpôk đến khu vực thác Dray Sáp. Công viên địa chất địa chất hiện hữu tới 7/10 kiểu di sản địa chất theo phân loại của UNESCO và được đánh giá là hang động dung nham dài và đẹp nhất Đông Nam Á. Công viên địa chất là nơi hội tụ các giá trị tiêu biểu về địa chất, địa mạo, văn hóa và đa dạng sinh học đặc trưng của khu vực. Hệ thống này đã được Hiệp Hội Hang động Núi lửa Nhật Bản xác lập kỷ lục Đông Nam Á về cả quy mô, độ dài và tính độc đáo. Đặc biệt là các phát hiện về khảo cổ người tiền sử sinh sống trong khu vực hang động núi lửa, thu hút sự chú ý của rất nhiều nhà nghiên cứu, du khách trong và ngoài nước.

**3.3. Các loại sản phẩm du lịch:** Du lịch nghỉ dưỡng núi; Du lịch tham quan, nghiên cứu; Du lịch sinh thái; Du lịch thể thao, mạo hiểm; Du lịch hội nghị, hội thảo và Du lịch văn hoá (*du lịch gắn với việc tìm hiểu các giá trị văn hoá hoặc trực tiếp tham gia vào các hoạt động văn hoá*).

#### **4. Địa điểm và quy mô**

**4.1. Địa điểm:** Tại các khoảnh 1, 2 – tiểu khu 1628; khoảnh 2, 4, 5, 6, 9, 10 - tiểu khu 1330; khoảnh 6, 7 - tiểu khu 1321; khoảnh 4, 8 - tiểu khu 1329.

**4.2. Quy mô:** 246,51 ha.

**4.2.1. Khu du lịch sinh thái thác Bảy tầng, thác Gấu:** 242,81 ha; bao gồm:

\* **Tuyến I** (Hệ thống đường tuần tra bảo vệ rừng kết hợp tham quan đi từ đường Tỉnh lộ 6 đến khu vực du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí): Chiều dài 13.398 m chia làm 2 tuyến cụ thể như sau:

##### **- Tuyến số I.1**

+ Vị trí: Từ tỉnh lộ 6 đi qua khoảnh 9,10 – tiểu khu 1628 đến Trạm Kiểm lâm cửa rừng Quảng Sơn đi đến khoảnh 4, 2 – tiểu khu 1628 (giáp với khoảnh 10 – tiểu khu 1612)

+ Chiều dài: 11.380 m;

+ Chiều rộng: 3 - 5 m;

+ Hiện trạng: Đường đất lâm nghiệp (đường tuần tra) có sẵn.

##### **- Tuyến số I.2**

+ Vị trí: Từ cuối tuyến đường tuần tra bảo vệ rừng kết hợp tham quan số 2 đi qua khoảnh 9 – tiểu khu 1330 đến Chốt quản lý, bảo vệ rừng số 2 (Khoảnh 8 – tiểu khu 1329)

+ Chiều dài: 2.018 m;

+ Chiều rộng: 3 – 5 m;

+ Hiện trạng: Đường đất lâm nghiệp (đường tuần tra) có sẵn.

- Mục đích: Sử dụng tuyến đường đất lâm nghiệp (đường tuần tra) sẵn có để di chuyển du khách đến khu vực du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

\***Tuyến II** (Hệ thống tuyến đường du lịch sinh thái): Nằm trên các tuyến đường du lịch sinh thái với chiều dài 11.059 m chia làm 4 tuyến cụ thể như sau:

**- Tuyến số II.1**

+ Vị trí: Nối từ tuyến đường tuần tra bảo vệ rừng kết hợp tham quan số 2 (tiểu khu 1329, ngã 3 Chốt quản lý bảo vệ rừng số 02) đến khu Resort thuộc khoảnh 8 – tiểu khu 1329;

+ Chiều dài: 1.924 m;

+ Chiều rộng: 3 - 5 m;

+ Hiện trạng: Đường đất lâm nghiệp (đường tuần tra) có sẵn.

**- Tuyến số II.2**

+ Vị trí: Bắt đầu nối từ tuyến đường du lịch sinh thái số 1 thuộc khoảnh 8 – tiểu khu 1329 (ngã 3 khu Resort) đến khoảnh 4 – tiểu khu 1329 (giáp với khoảnh 6 – tiểu khu 1321);

+ Chiều dài: 2.616 m;

+ Chiều rộng: 0,5 - 0,8 m;

+ Hiện trạng: Đường mòn có sẵn.

**- Tuyến số II.3**

+ Vị trí: Nối tuyến đường tuần tra bảo vệ rừng kết hợp tham quan số 2 (tiểu khu 1329, gần ngã 3 Chốt quản lý, bảo vệ rừng số 02) xuống đến bờ suối (khoảnh 5, 9 – tiểu khu 1330) đi qua thác Gấu (khoảnh 10 – tiểu khu 1330) kết thúc tại khoảnh 1 – tiểu khu 1628 và khoảnh 10 - tiểu khu 1330.

+ Chiều dài: 3.296 m;

+ Chiều rộng: 0,5 - 0,8 m;

+ Hiện trạng: Đường mòn có sẵn.

**- Tuyến số II.4**

+ Vị trí: Nối tuyến đường du lịch sinh thái số 3 (khoảnh 5, 9 – tiểu khu 1330) đi qua thác Bảy tầng (Khoảnh 2,5- tiểu khu 1330) kết thúc tại khoảnh 6 – tiểu khu 1321.

+ Chiều dài: 3.223 m;

+ Chiều rộng: 0,5 - 0,8 m;

+ Hiện trạng: Đường mòn có sẵn

- Mục đích: Kết nối các tuyến đường với nhau, sử dụng những tuyến đường mòn có sẵn, hạn chế tác động đến môi trường, cảnh quan. Đồng thời du khách có thể trải nghiệm, ngắm phong cảnh, hòa mình cùng với thiên nhiên, cảnh vật.

\* Phương thức tổ chức thực hiện: Nâng cấp, sửa chữa đường đất lâm nghiệp (giữ nguyên theo hiện trạng cũ, không mở rộng), cụ thể:

- Tuyến đường đi qua phân khu bảo vệ nghiêm ngặt: Sử dụng các tuyến đường mòn có sẵn theo quy định tại Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ.

- Tuyến đường đi qua phân khu phục hồi sinh thái và dịch vụ hành chính: Nâng cấp, sửa chữa nhưng không vượt quá quy mô đường cấp IV miền núi theo quy định tại Khoản 3 Điều 15 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ.

#### **4.2.2. Khu xây dựng cơ sở hạ tầng, kỹ thuật**

- Vị trí: Khoảnh 4 - tiểu khu 1329.

- Diện tích: 3,70 ha.

- Hiện trạng sử dụng đất: Đất trống, không có cây gỗ tái sinh thuộc quy hoạch rừng phòng hộ.

- Hạng mục: Hệ thống nhà nghỉ dưỡng, hệ thống khu Resort, khu vui chơi giải trí và dịch vụ ăn uống cho du khách,...

- Mục đích: Phục vụ cho hoạt động du lịch sinh thái.

- Phương thức tổ chức thực hiện: Xây dựng mới.

Việc xây dựng cơ sở hạ tầng phải tuân thủ theo quy định của Luật Lâm nghiệp năm 2017, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ và các quy định khác của pháp luật.

#### **5. Thời gian và phương thức tổ chức thực hiện**

- Thời gian thực hiện: Từ năm 2020 - 2024.

- Phương thức thực hiện:

+ Sau khi Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, chủ rừng chủ trì, phối hợp với tổ chức, cá nhân lập dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo phương thức cho thuê môi trường rừng; việc cho thuê môi trường rừng đặc dụng để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí phải được thông báo rộng rãi và tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Giá cho thuê môi trường rừng do các bên tự thỏa thuận nhưng không thấp hơn 1% tổng doanh thu thực hiện trong năm của bên thuê môi trường rừng trong phạm vi diện tích thuê môi trường rừng. Trường hợp có hai tổ chức, cá nhân trở lên cùng đề nghị được thuê môi trường rừng thì tổ chức đấu giá với mức giá khởi điểm không thấp hơn 1% tổng doanh thu thực hiện trong năm của bên thuê

môi trường rừng trong phạm vi diện tích thuê môi trường rừng. Thời gian thuê không quá 30 năm, định kỳ 5 năm đánh giá việc thực hiện hợp đồng, hết thời gian cho thuê nếu bên thuê thực hiện đúng hợp đồng và có nhu cầu thì chủ rừng xem xét tiếp tục kéo dài thời gian cho thuê;

+ Trước khi ký hợp đồng cho thuê môi trường rừng, chủ rừng phải điều tra thống kê tài nguyên rừng trên diện tích cho thuê để làm căn cứ cho thuê và giám sát, đánh giá việc thực hiện hợp đồng.

## **6. Các giải pháp bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường**

### **6.1. Giải pháp quản lý, bảo vệ rừng**

- Xác định rõ ranh giới khu vực cho thuê môi trường rừng ngoài thực địa và trên bản đồ; xây dựng cơ sở dữ liệu, cập nhật thông tin diễn biến tài nguyên rừng cho từng lô trạng thái, xây dựng được bản đồ hiện trạng rừng và đất rừng.

- Tổ chức lực lượng phòng cháy, chữa cháy rừng theo phương châm 4 tại chỗ; xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy rừng; xây dựng hệ thống chòi canh phù hợp nhằm thực hiện nhiệm vụ quan sát lửa rừng, phát hiện sớm cháy rừng để huy động lực lượng chữa cháy kịp thời.

- Thường xuyên tuần tra, phát hiện sâu bệnh hại rừng; ngăn chặn các hành vi chặt phá cây rừng, chăn thả gia súc, săn bắt động vật hoang dã và các hành vi xâm hại đến rừng. Sử dụng nhiều phương pháp hướng dẫn khách du lịch thực hiện các nội quy của khu du lịch sinh thái; bảo đảm an toàn cho du khách như các tờ rơi, các biển báo cũng như là thông qua hướng dẫn viên.

- Tổ chức tuyên truyền cho nhân viên, người dân và du khách bằng các bảng biểu, pano, áp phích mang thông điệp bảo vệ rừng; chuyển tải các thông điệp thông qua các chương trình hướng dẫn, trò chơi thiên nhiên, chương trình vui chơi, giải trí và các sản phẩm của doanh nghiệp, cộng đồng dân cư trong phục vụ, dịch vụ du lịch.

- Thường xuyên tổ chức tuần tra rừng, kiểm tra, giám sát, phát hiện và thông báo kịp thời cho kiểm lâm khu vực, chính quyền địa phương các dấu hiệu có nguy cơ gây hại đến tài nguyên rừng như: Khai thác rừng, lấn chiếm đất rừng trái phép, săn bắt động vật rừng, chăn thả gia súc và các nguy cơ gây hại đến môi trường và sự an toàn trong du lịch. Tăng cường chia sẻ thông tin giữa các bên như Khu Bảo tồn, bên thuê môi trường rừng, cộng đồng dân cư địa phương, chính quyền địa phương trong công tác quản lý, bảo vệ rừng.

- Định kỳ, phối hợp với Hạt kiểm lâm tuần tra, kiểm soát, ngăn chặn triệt để tình trạng phá rừng, săn bắt, vận chuyển, buôn bán động vật hoang dã, kiểm soát lửa rừng.

- Nghiêm cấm hành vi khai thác rừng, lấn chiếm đất rừng trái phép, săn bắt động vật rừng, xây dựng các công trình không theo Đề án được phê duyệt, dự án được duyệt hoặc vượt quá các quy định về mặt diện tích

cũng như chiều cao và kết cấu quy định của công trình, các hoạt động khác có nguy cơ gây hại đến môi trường và sự an toàn trong du lịch.

## **6.2. Giải pháp phát triển rừng**

- Đẩy mạnh các hoạt động trồng rừng đối với diện tích đất trống, khoanh nuôi tái sinh rừng phù hợp với điều kiện sinh thái; trồng bổ sung những cây gỗ bản địa có giá trị cao về kinh tế, bên cạnh đó phát triển các cây lâm nghiệp, cây đặc sản rừng, cây thuốc bản địa để giới thiệu cho du khách.

- Có thể phát triển các dịch vụ trồng, chăm sóc và gắn biển tên cho du khách tham gia trồng cây môi trường ở những khu vực phù hợp được Khu Bảo tồn cho phép theo phương án lập, tạo doanh thu, góp phần phát triển sinh kế cộng đồng địa phương.

## **6.3. Giải pháp bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học**

- Phát triển các chương trình truyền thông, chương trình giáo dục bảo tồn thiên nhiên cho cộng đồng người bản địa và du khách thông qua các trò chơi thiên nhiên, diễn giải môi trường và hệ thống bảng biểu, pano tuyên truyền, hướng dẫn du khách ứng xử tốt với môi trường.

- Phát triển các chương trình trồng cây môi trường; phát triển sinh kế cộng đồng địa phương và ưu tiên gắn kết người dân trong việc phục vụ, dịch vụ và thu gom, xử lý rác thải, tuần tra bảo vệ rừng và các hoạt động phổ thông khác.

- Thực hiện chính sách chia sẻ lợi ích đối với người dân bản địa, gắn với phát triển du lịch sinh thái; nâng cao hiệu quả quản lý, bảo tồn và phát triển bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên, giải quyết việc làm, nâng cao đời sống người dân vùng đệm.

- Quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng trên lâm phần được cho thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái; phổ biến các quy định của pháp luật về bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ môi trường cho du khách.

## **6.4. Giải pháp tổ chức hoạt động du lịch sinh thái và giáo dục môi trường**

- Tổ chức các tuyến du lịch hướng dẫn khách du lịch tham quan dã ngoại nhằm cung cấp thông tin về các loài cây rừng, môi trường sinh trưởng, từ đó nâng cao ý thức bảo vệ rừng của khách du lịch.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu hệ sinh thái rừng nhằm giới thiệu cho du khách, nâng cao hiểu biết về môi trường tự nhiên, qua đó tạo ý thức tham gia vào công tác bảo tồn thiên nhiên. Đặc biệt đối với những loài cây, con vật đặc hữu trong khu vực cần phải có biện pháp tuyên truyền giới thiệu cho người dân cũng như du khách được biết đến. Những loài nằm trong danh mục sách đỏ Việt Nam cần có biện pháp tuyên truyền và phổ biến để mọi người cùng chung tay và có ý thức bảo vệ, phát triển.

- Tổ chức các hoạt động du lịch nghỉ dưỡng, hội nghị, hội thảo, cắm trại ngoài trời, du lịch sinh thái, tìm hiểu thiên nhiên, giáo dục môi trường phù hợp với văn hóa bản địa và không làm ảnh hưởng đến công tác bảo tồn.

- Thực hiện hoạt động thu gom, phân loại và xử lý rác thải; định kỳ vệ sinh lòng hồ, bể bơi, suối, thác và các khu vực với phương châm “xanh, sạch, đẹp” trong khu du lịch; hướng dẫn khách du lịch thực hiện các nội quy của khu du lịch sinh thái; bảo đảm an toàn cho du khách, yêu cầu du khách ý thức bảo vệ môi trường.

### **6.5. Giải pháp phát triển hạ tầng**

- Các công trình phục vụ du lịch sinh thái: Đầu tư xây dựng phù hợp quy hoạch thiết kế được duyệt và các quy định của pháp luật.

- Hệ thống cung cấp điện: Lắp đặt các hệ thống pin năng lượng mặt trời.

- Hệ thống nước sạch: Căn cứ vào vị trí xây dựng, tận dụng các bể chứa nước phục vụ phòng cháy, chữa cháy rừng; xây dựng hệ thống nước tự chảy, các bể lọc nước ngầm.

- Hệ thống nước thải: Xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt (khu vực nhà hàng, ăn uống) ngầm dưới lòng đất, đảm bảo tất cả nước thải được thu gom vào bể lọc, xử lý và cho chảy ngầm trong lòng đất, không cho chảy trực tiếp ra hệ thống nước mặt như hệ thống sông, suối.

- Hệ thống thu gom, xử lý rác thải: Thiết kế và bố trí các thùng rác di động, đảm bảo thu hút và không phá vỡ kiến trúc cảnh quan của khu vực để thu gom toàn bộ rác thải, xử lý tập trung thông qua Công ty xử lý môi trường địa phương.

### **6.6. Giải pháp về chính sách**

- Khuyến khích sử dụng các nguyên, vật liệu tại địa phương trong xây dựng các công trình dịch vụ du lịch.

- Thực hiện nghiêm túc chính sách cho thuê môi trường rừng và bảo vệ phát triển rừng đặc dụng theo quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ, Quyết định số 24/2012/QĐ-TTg ngày 01/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát thực thi chính sách đối với các hoạt động du lịch trong khu vực, kịp thời chấn chỉnh những sai sót, xử lý đúng quy định các vi phạm liên quan đến bảo vệ phát triển rừng.

### **6.7. Giải pháp đảm bảo an ninh, an toàn cho khách du lịch**

- Thực hiện tốt và tăng cường kiểm tra công tác giữ gìn trật tự, an ninh, vệ sinh môi trường tại khu vực thuê môi trường rừng; xử lý nghiêm các hành động gây rối, làm mất an toàn cho người và tài sản của khách du lịch.

- Hướng dẫn, cảnh báo cho du khách, đồng thời lắp đặt hệ thống cảnh báo, lan can tại những khu vực nguy hiểm, đảm bảo an toàn cho du khách khi tham quan, thưởng ngoạn.

- Tại các công trình, dịch vụ resort, nhà hàng,... lắp đặt hệ thống camera giám sát, hệ thống báo cháy, chữa cháy tự động.



- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về an toàn, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống cháy nổ và phòng ngừa tai nạn, tệ nạn xã hội, đảm bảo cho du khách được hưởng chất lượng dịch vụ tốt nhất.

**7. Giám sát hoạt động du lịch sinh thái:** Khu Bảo tồn thiên nhiên Nam Nung có trách nhiệm tổ chức giám sát các tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng, du khách, người dân địa phương trong hoạt động du lịch sinh thái, để đảm bảo theo đúng quy định của Luật Lâm nghiệp và quy định khác có liên quan.

## **Điều 2.**

1. Giám đốc Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung tại Điều 1 Quyết định này, đảm bảo đúng mục tiêu và tiến độ thực hiện; tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

2. Giao các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công thương, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Xây dựng hướng dẫn, đôn đốc, giám sát Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung tổ chức thực hiện Đề án.

3. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND tỉnh về nội dung đề xuất tại Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công thương, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Xây dựng; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm; Chủ tịch UBND các huyện: Đắk Glong, Đắk Song, Krông Nô; Giám đốc Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *mr*

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CTTĐT, KTTH, KTN (N).

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Bón**